TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Cần

Ông Trương Văn Khắc

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị T; sinh năm: 1978; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn S; sinh năm: 1981; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị T, anh S. Chị T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Bùi Văn S kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 19/12/2002 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2004 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không được. Anh S thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Vì con chị đã cố gắng

chịu đựng, nhưng đến nay chị không thể tiếp tục cuộc sống như vậy được nữa. Vợ chồng chị đã sống ly thân 01 năm nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Văn T, sinh ngày 03/7/2003 và cháu Bùi Văn T, sinh ngày 12/7/2009. Nếu ly hôn, chị giao cả hai cháu cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Bùi Văn S để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng anh S không có mặt nên không có lời khai của anh S và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh S không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn S. Giao cháu Bùi Văn T, sinh ngày 03/7/2003 và cháu Bùi Văn T, sinh ngày 12/7/2009 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Bùi Văn S không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Sáu theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

[2] Anh S đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh S đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[3] Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh S lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh S vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh S.

[4] Chị T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị T.

[5] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn S kết hôn trên cơ sở tự

nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/12/2002 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân 01 năm nay, không ai quan tâm tới ai, vấn đề này cũng đã được UBND xã T xác nhận. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh S lên làm việc để anh S được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh S đều không có mặt, thể hiện anh S không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị T, anh S đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh Sáu.

[4] Về con cái: Chị T và anh Sáu có 02 con chung. Hiện các cháu đang ở với anh S. Chị T có nguyện vọng giao cả hai cháu cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cả hai cháu hiện nay đang sinh sống cùng anh S, cháu T cũng đã sắp tròn 18 tuổi, chị T đang làm công nhân và đang phải thuê trọ, anh S đã có nhà cửa ổn định. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cả hai cháu cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

[5] Về tài sản: Chị T không yêu cầu nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn S.

2. Về con cái: Giao cháu Bùi Văn T, sinh ngày 03/7/2003 và cháu Bùi Văn T, sinh ngày 12/7/2009 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

Chị T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2018/0002668 ngày 13/02/2020. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị T, anh S. Chị T, anh S có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc